

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ - ST

Ngày 15/7/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bé Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngôn Thị Liêm và bà Lục Thị Tuyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Tịch - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXHNGĐ - ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Trần Thị Kiều O, sinh năm 1990. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: xóm D, xã D, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở hiện nay: xóm A, xã D huyện P, tỉnh T;

- **Bị đơn:** Nguyễn Văn H, sinh năm 1984, (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: xóm D, xã D, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30/5/2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Trần Thị Kiều O trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng vào ngày 13/3/2009, việc đăng ký do hai bên tự nguyện thực hiện và đã được tìm hiểu nhau trước khi tiến tới hôn nhân. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, yêu

thương chăm sóc nhau. Tuy nhiên, đến năm 2012 giữa hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống về cách chi tiêu, sinh hoạt trong cuộc sống và những mối quan hệ khác ngoài xã hội. Từ năm 2012 đến năm 2014, chị và anh H đã sống ly thân nhưng sau đó lại quay lại chung sống với nhau do gia đình và người thân hai bên động viên, khuyên bảo. Đến năm 2019, anh H bị kết án do vi phạm pháp luật. Nay chị O nhận thấy giữa hai vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn H. Trong thời kỳ hôn nhân, hai vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 01/01/2010, hiện nay đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị O yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Giữa chị và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 20/6/2024, bị đơn Nguyễn Văn H xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị O trình bày là đúng. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Đội 7, phân trại số 5, trại giam Phú Sơn 4, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn. Tuy nhiên, từ ngày anh H đi chấp hành án thì tình cảm vợ chồng phai nhạt dần nên nay chị O làm đơn xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Sau khi ly hôn, anh H đồng ý giao con chung cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục vì hiện tại anh đang chấp hành án không có điều kiện nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đang chấp hành án tại trại giam nên anh H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung và các yêu cầu cần giải quyết của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Kiều O được ly hôn anh Nguyễn Văn H;

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 01/02/2010 cho chị O trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế), không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối

với anh H. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được giải quyết theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;

- Về án phí: Buộc chị O phải chịu 300.000đ án phí để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú và trước khi đi chấp hành án thì cư trú tại: Xóm D, xã D, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ.

[2]. *Về tố tụng*: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của hai bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Trần Thị Kiều O yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn H, yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì quan hệ tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp nuôi con và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị O và anh H là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Tuy nhiên, từ năm 2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn tới năm 2019, anh Hạnh đã vi phạm pháp luật và phải chấp hành án phạt tù. Từ đó hai vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nữa. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2024, anh H cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị O. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị O và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị O và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên, sinh ngày 01/01/2010, hiện nay đang sống với chị O. Sau khi ly hôn, chị O có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay anh H đang trong thời gian chấp hành án tại trại giam, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung, cháu Thiên cũng đã sống cùng mẹ từ nhỏ, nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, học tập của cháu. Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu vào ngày 26/6/2024, cháu Thiên cũng có mong muốn được tiếp tục chung sống với mẹ là chị O. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2024 anh H cũng nhất trí giao con chung cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu Thiên cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H là hoàn toàn phù hợp với thực tế về nơi ăn, ở, sinh hoạt của cháu, cũng như nguyện vọng của cả chị O và anh H, tạo sự ổn định về cuộc sống sinh hoạt của cháu Thiên; và phù hợp với quy định của pháp luật nên ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên cần được chấp nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được giải quyết theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị O phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị O đã nộp đủ.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Kiều O được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 01/01/2010 cho chị Trần Thị Kiều O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Văn H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được giải quyết theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Trần Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị O đã nộp đủ theo Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002687 ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Trần Thị Kiều O, anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKS huyện Trùng Khánh;
- Chi cục THADS huyện Trùng Khánh;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bé Thị Thùy Linh